

Phụ lục 2.a
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP MẦM NON

(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lư)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp tiểu học	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xã Bình Lư							
I	Trường Mầm non Tam Đường	443	443		0			
I	Khối phòng hành chính			16				
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			2				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên							
	Phòng Bảo vệ			2				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			8				
	Khu để xe			2				
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ			24				
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo:			19				
	Khu sinh hoạt chung			19				
	Nơi ngủ			19				
	Khu vệ sinh			5				
	Hiên chơi đón trẻ			5				
2	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật							
3	Phòng Giáo dục nghệ thuật			1				
4	Sân chơi riêng			3				
5	Phòng Tin học			1				
III	Khối phòng tổ chức ăn			2				
	Nhà bếp			1				
	kho bếp			1				
IV	Khối phụ trợ			26				

1	Phòng họp							
2	Phòng y tế			1				
3	Nhà kho			16				
4	Thư viện							
6	Sân vườn			4				
7	Cổng, hàng rào			5				
V	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên							
VI	Hạ tầng kỹ thuật			10				
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			5				
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			5				
3	Hạng mục khác...							
2	Trường Mầm non Bình Lư	296	296					
I	Khối phòng hành chính			13				
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			2				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên			1				
	Phòng Bảo vệ			1				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			5				
	Khu để xe			2				
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ			25				
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo:			18				
	Khu sinh hoạt chung			18				
	Nơi ngủ			18				
	Khu vệ sinh			5				
	Hiên chơi đón trẻ			5				
2	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật							
3	Phòng Giáo dục nghệ thuật			1				
4	Sân chơi riêng			5				
5	Phòng Tin học			1				
III	Khối phòng tổ chức ăn			2				

	Nhà bếp			1				
	kho bếp			1				
IV	Khối phụ trợ			10				
1	Phòng họp			1				
2	Phòng y tế			1				
3	Nhà kho			1				
4	Thư viện			1				
6	Sân vườn			1				
7	Cổng, hàng rào			5				
V	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên			1				
VI	Hạ tầng kỹ thuật			9				
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			4				
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			5				
3	Hạng mục khác...							
3	Trường Mầm non Sơn Bình	494	494					
I	Khối phòng hành chính			8				
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			2				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên			1				
	Phòng Bảo vệ			1				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			1				
	Khu để xe			1				
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ			25				
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo:			18				
	Khu sinh hoạt chung			18				
	Nơi ngủ			18				
	Khu vệ sinh			6				
	Hiên chơi đón trẻ			6				
2	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật							
3	Phòng Giáo dục nghệ thuật			1				

4	Sân chơi riêng			6				
5	Phòng Tin học							
III	Khối phòng tổ chức ăn			2				
	Nhà bếp			1				
	kho bếp			1				
IV	Khối phụ trợ			14				
1	Phòng họp			1				
2	Phòng y tế			1				
3	Nhà kho							
4	Thư viện							
6	Sân vườn			6				
7	Cổng, hàng rào			6				
V	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên							
VI	Hạ tầng kỹ thuật			8				
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			2				
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			6				
3	Hạng mục khác...							

Phụ lục 2.b
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP TIỂU HỌC

(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXH ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lư)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp tiểu học	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xã Bình Lư							
	1. Trường Tiểu học Tam Đường	886	0		0			
I	Khối phòng hành chính			13				
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			2				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên			0				
	Phòng Bảo vệ			2				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			2				
	Khu để xe GV			2				
	Khu để xe HS			3				
II	Khối phòng học			33				
1	Phòng học (thông thường)			28				
2	Phòng học bộ môn							
	Phòng học bộ môn Âm nhạc			1				
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật			1				
	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ			1				
	Phòng học bộ môn Tin học			1				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ			1				
	Phòng đa chức năng			0				
III	Khối phục vụ sinh hoạt (các hạng mục phục vụ nội trú, bán trú)			1				
	Nhà bếp							
	Kho bếp							
	Nhà ăn							

	Nhà ở nội trú học sinh							
	Phòng quản lý học sinh							
	Phòng sinh hoạt chung							
	Nhà văn hóa							
	Nhà đa năng			1				
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			5				
	Thư viện			2				
	Phòng Thiết bị giáo dục			1				
	Phòng tư vấn học đường			1				
	Phòng truyền thống			1				
	Phòng đội thiếu niên							
V	Khối Phụ trợ			18				
	Phòng họp			1				
	Phòng y tế			2				
	Nhà kho			5				
	Khu để xe học sinh			3				
	Khu vệ sinh học sinh			3				
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao			3				
VII	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên			0				
VIII	Hạ tầng kỹ thuật							
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			3				
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			3				
3	Hạng mục khác 1. Sửa chữa sân trường trước dãy nhà C, D và nhà Đa năng điểm Trung Tâm 1 Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp sân trường phía sau dãy nhà A: Lát gạch chống trơn với diện tích 958m ²				Sửa chữa		450.000.000	
	2. Trường Tiểu học Bình Lư	424	0	5	4	0	900	
I	Khối phòng hành chính							
	Phòng Hiệu trưởng			1				

	Phòng Hiệu phó			1	1		200	
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên				1		200	
	Phòng Bảo vệ			1				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			0	2		500	
	Khu để xe GV			1				
	Khu để xe HS							
II	Khối phòng học			28	4	0	1300	
1	Phòng học (thông thường)			24				
2	Phòng học bộ môn			4	4	0	1300	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc			1				
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật			0				
	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ			1				
	Phòng học bộ môn Tin học			2				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ			0	2		400	
	Phòng đa chức năng			0	2		900	
III	Khối phục vụ sinh hoạt (các hạng mục phục vụ nội trú, bán trú)			0				
	Nhà bếp							
	Kho bếp							
	Nhà ăn							
	Nhà ở nội trú học sinh							
	Phòng quản lý học sinh							
	Phòng sinh hoạt chung							
	Nhà văn hóa							
	Nhà đa năng							
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			3	2	0	400	
	Thư viện			1				
	Phòng Thiết bị giáo dục			1				
	Phòng tư vấn học đường			0	1		200	
	Phòng truyền thống			0	1		200	
	Phòng đội thiếu niên			1				
V	Khối Phụ trợ			11	0	0	0	
	Phòng họp			1				
	Phòng y tế			1				

	Nhà kho			1				
	Khu để xe học sinh			3				
	Khu vệ sinh học sinh			5				
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
VII	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên							
VIII	Hạ tầng kỹ thuật			8	2	0	800	0
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			3	2		100	
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			5				
3	Hạng mục khác...							
	Lát gạch Sân trường				sửa chữa		700	



Phụ lục 2.c
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lư)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Cấp trung học cơ sở	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xã Bình Lư							
I	<i>Trường THCS Tam Đường</i>	788	0					
I	Khối phòng hành chính			10	0			
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			1				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên							
	Phòng Bảo vệ			1				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			1				
	Khu để xe GV			1				
	Khu để xe HS			4				
II	Khối phòng học			20	9	14500		
1	Phòng học (thông thường)			16	2			
2	Phòng học bộ môn			4	7			
	Phòng học bộ môn Âm nhạc				1			
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật				1			
	Phòng học bộ môn Công nghệ				1			
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên			2				
	Phòng học bộ môn Tin học			1				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ				2			
	Phòng đa chức năng				1			
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội			1	1			
III	Khối phục vụ sinh hoạt (các hạng mục phục vụ nội trú, bán trú)			0				
	Nhà bếp							
	Kho bếp							

	Nhà ăn							
	Nhà ở nội trú học sinh							
	Phòng quản lý học sinh							
	Phòng sinh hoạt chung							
	Nhà văn hóa							
	Nhà đa năng							
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			5	0			
	Thư viện			1				
	Phòng Thiết bị giáo dục			1				
	Phòng tư vấn học đường			1				
	Phòng truyền thống			1				
	Phòng Đoàn, đội			1				
V	Khối Phụ trợ			9				
	Phòng họp			1				
	Phòng các tổ chuyên môn							
	Phòng y tế			1				
	Nhà kho			1				
	Khu để xe học sinh			4				
	Khu vệ sinh học sinh			2				
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao			1	0			
VII	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên			0	0			
VIII	Hạ tầng kỹ thuật			1	0			
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)			1				
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)			0				
3	Hạng mục khác...							
2	Trường THCS Bình Lư	360	0					
I	Khối phòng hành chính			12	0			
	Phòng Hiệu trưởng			1				
	Phòng Hiệu phó			1				
	Văn phòng trường			1				
	Phòng dành cho nhân viên			2				
	Phòng Bảo vệ			1				
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên			2				
	Khu để xe GV			2				

	<i>Khu để xe HS</i>			2				
II	Khối phòng học			17	3	1500		
<i>1</i>	<i>Phòng học (thông thường)</i>			12				
<i>2</i>	<i>Phòng học bộ môn</i>			5	3			
	Phòng học bộ môn Âm nhạc				1			
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật			1				
	Phòng học bộ môn Công nghệ			1				
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên			1				
	Phòng học bộ môn Tin học			2				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ							
	Phòng đa chức năng				1			
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội				1			
III	Khối phục vụ sinh hoạt (các hạng mục phục vụ nội trú, bán trú)			0	0			
	<i>Nhà bếp</i>							
	<i>Kho bếp</i>							
	<i>Nhà ăn</i>							
	<i>Nhà ở nội trú học sinh</i>							
	<i>Phòng quản lý học sinh</i>							
	<i>Phòng sinh hoạt chung</i>							
	<i>Nhà văn hóa</i>							
	<i>Nhà đa năng</i>							
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			4	3	1500		
	<i>Thư viện</i>			1	1			
	<i>Phòng Thiết bị giáo dục</i>			1	1			
	<i>Phòng tư vấn học đường</i>			1	1			
	<i>Phòng truyền thống</i>							
	<i>Phòng Đoàn, đội</i>			1				
V	Khối Phụ trợ			3	2	1000		
	<i>Phòng họp</i>				1			
	<i>Phòng các tổ chuyên môn</i>							
	<i>Phòng y tế</i>			1	1			
	<i>Nhà kho</i>							
	<i>Khu để xe học sinh</i>							
	<i>Khu vệ sinh học sinh</i>			2				
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao			2				

VII	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên							
VIII	Hạ tầng kỹ thuật							
<i>1</i>	<i>Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)</i>			2				
<i>2</i>	<i>Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)</i>			2				
<i>3</i>	<i>Hạng mục khác...</i>							

Phụ lục 2.e
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU TRƯỜNG LIÊN CẤP
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lư)

(Đơn vị : triệu đồng)

STT	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xã Bình Lư							
I	Trường TH&THCS Sơn Bình	1063	235					
I	Khối phòng hành chính			11	4	0	1100	
	Phòng Hiệu trưởng	1		1				
	Phòng Hiệu phó	2		2				
	Văn phòng trưởng	1		1				
	Phòng dành cho nhân viên	3		3				
	Phòng Bảo vệ	0			1		200	
	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên	2		2	1		500	
	Khu để xe GV	1		1	1		200	
	Khu để xe HS	1		1	1		200	
II	Khối phòng học			39	8	0	4500	
1	Phòng học (thông thường)	35		35	3		1500	
2	Phòng học bộ môn	4		4	5	0	3000	
	Phòng học bộ môn Âm nhạc				1		500	
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật				1		500	
	Phòng học bộ môn Công nghệ	1		1				
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	1		1				
	Phòng học bộ môn Tin học	2		2				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ			0	1		500	
	Phòng đa chức năng			0	1		1000	
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội			0	1		500	

STT	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
III	Khôi phục vụ sinh hoạt (các hạng mục phục vụ nội trú, bán trú)	8	0	8	4	0	4800	0
	Nhà bếp	1		1				
	Kho bếp			0	1		300	
	Nhà ăn	1		1				
	Nhà ở nội trú học sinh	3		3				
	Phòng quản lý học sinh	3		3				
	Phòng sinh hoạt chung	0		0	1		500	
	Nhà văn hóa	0		0	1		500	
	Nhà đa năng	0		0	1		3500	
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập	5	0	4	1	0	500	
	Thư viện	1		1				
	Phòng Thiết bị giáo dục	1		1				
	Phòng tư vấn học đường	1		1				
	Phòng truyền thống	1		0	1		500	
	Phòng Đoàn, đội	1		1				
V	Khối Phụ trợ	8	0	8	3	0	900	
	Phòng họp	1		1				
	Phòng các tổ chuyên môn	2		2				
	Phòng y tế	1		1				
	Nhà kho				1		500	
	Khu để xe học sinh	1		1	1		200	
	Khu vệ sinh học sinh	3		3	1		200	
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao	3		3	1		500	
VII	Nhà (phòng) ở công vụ cho giáo viên	0						
VIII	Hạ tầng kỹ thuật	2	0	2	0	0	2500	0
1	Hệ thống cấp nước sạch (toàn trường/điểm trường)	1		1				

STT	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Tổng số học sinh	Dự kiến quy mô học sinh có nhu cầu nội trú, bán	Số hạng mục/phòng hiện có	Số hạng mục/phòng cần bổ sung	Nhu cầu vốn		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Hệ thống thoát nước (toàn trường/điểm trường)	1		1				
3	Cổng, tường rào, sân						2500	

